

Số 3850 - QĐ/HNDTW

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế bầu cử
trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Kết luận tại Hội nghị Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam ngày 04/11/2017;

Căn cứ Kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ngày 14/11/2017;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;

**BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bầu cử (sửa đổi, bổ sung) trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

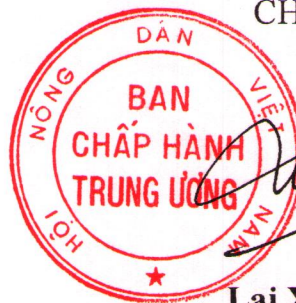
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Đồng chí Trưởng Ban Tổ chức, Chánh Văn phòng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trưởng các Ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực TW Hội;
- Các đ/c UVBCH TW Hội;
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố;
- Lưu BTC, VT.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Lại Xuân Môn

QUY CHẾ BẦU CỬ
TRONG HỆ THỐNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3850 - QĐ/HNĐTƯ ngày 27/11/2017
của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử trong tổ chức Hội từ cơ sở đến Trung ương.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử trong hệ thống Hội thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bình đẳng, trực tiếp, đa số quá bán; kết quả bầu cử phải được chuẩn y của ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp theo quy định.

Điều 3. Hình thức bầu cử

Có 2 hình thức bầu: Bằng biểu quyết giơ tay và bỏ phiếu kín.

1. Việc bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín được thực hiện trong các trường hợp:

a) Bầu ban chấp hành trong đại hội, bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch hoặc bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và chức danh chủ tịch, phó chủ tịch.

b) Bầu đại biểu đi dự đại hội Hội Nông dân cấp trên trực tiếp.

2. Hình thức biểu quyết giơ tay được thực hiện trong các trường hợp:

a. Bầu Đoàn chủ tịch.

b. Bầu Đoàn thư ký.

c. Bầu Chủ tọa hội nghị.

d. Bầu Ban kiểm phiếu (nếu số lượng ít hơn 5 người thì gọi là tổ kiểm phiếu).

e. Bầu Ban thẩm tra tư cách đại biểu.

d. Bầu cán bộ chi hội/ tổ hội.

CHƯƠNG II
QUYỀN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ,
DANH SÁCH BẦU CỬ, PHIẾU BẦU

Điều 4. Quyền ứng cử

1. Đối với ban chấp hành:

a. Tất cả hội viên Hội Nông dân Việt Nam đều có quyền ứng cử để được bầu vào cơ quan lãnh đạo của Hội ở các cấp.

b. Hội viên Hội Nông dân Việt Nam không phải là đại biểu của đại hội ứng cử vào ban chấp hành từ cấp xã trở lên, chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội phải nộp hồ sơ ứng cử gồm: Đơn, lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền nộp về ban thường vụ Hội Nông dân cấp đại hội.

2. Đối với ban thường vụ: Ủy viên ban chấp hành mỗi cấp có quyền ứng cử để được bầu và ban thường vụ của Hội Nông dân cấp đó.

3. Đối với các chức danh lãnh đạo chủ chốt:

Ủy viên ban thường vụ cấp nào được ứng cử để bầu chủ tịch, phó chủ tịch của Hội Nông dân cấp đó.

4. Đối với đại biểu đi dự đại hội Hội cấp trên: Chỉ có đại biểu chính thức có mặt tại đại hội mới có quyền ứng cử để được bầu làm đại biểu đi dự đại hội Hội cấp trên trực tiếp.

5. Người ứng cử là đảng viên phải thực hiện theo Quyết định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điều đảng viên không được làm.

Điều 5. Quyền đề cử

1. Đại biểu chính thức của đại hội có quyền đề cử người tham gia ban chấp hành. Khi đề cử người tham gia ban chấp hành mà không phải là đại biểu của đại hội, người đề cử phải báo cáo (bằng văn bản) về sơ yếu lý lịch, tư cách của người được đề cử (có xác nhận của cơ quan thẩm quyền) với cơ quan chuẩn bị nhân sự của đại hội và phải được sự đồng ý của người được đề cử.

2. Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự và báo cáo danh sách nhân sự chuẩn bị để đại hội tham khảo trước khi đại hội thông qua danh sách bầu cử.

3. Chức danh chủ tịch, phó chủ tịch ở cấp nào do cấp ủy Đảng cùng cấp giới thiệu sau khi thống nhất với ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

Điều 6. Quyền bầu cử

Chỉ có đại biểu chính thức của đại hội mới có quyền bầu ban chấp hành cấp mình và bầu đại biểu dự đại hội cấp trên.

Điều 7. Danh sách bầu cử

1. Danh sách bầu cử: Gồm những người ứng cử, những người được đề cử nhưng đã được đại hội/ hội nghị biểu quyết thông qua.

2. Số lượng ứng cử viên trong danh sách bầu cử bằng hoặc nhiều hơn số lượng cần bầu là do đại hội/ hội nghị quyết định.

3. Danh sách bầu cử được xếp theo thứ tự tên người theo vần A, B, C.

Điều 8. Phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu cử: Phiếu được in hoặc ghi họ tên những người trong danh sách bầu cử được xếp thứ tự tên theo vần A, B, C... của từng khối (*nếu cần thiết*), có đóng dấu của ban chấp hành cấp triệu tập ở góc trên bên trái phiếu bầu.

Trường hợp danh sách bầu không có số dư: Phiếu bầu được chia làm 4 cột gồm: Số thứ tự; họ tên; đồng ý; không đồng ý; người bầu cử đánh dấu X vào ô đồng ý và ô không đồng ý tương ứng với họ và tên người trong danh sách bầu cử.

2. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ:

a. Phiếu hợp lệ: Là phiếu do ban/tổ kiểm phiếu phát ra, bầu người trong danh sách đã được đại hội thông qua, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu; phiếu bầu mà trong danh sách bầu cử chỉ có một người, người bầu cử đánh dấu X vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý; phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô (đồng ý và không đồng ý) của một người hoặc một số người trong danh sách bầu cử.

b. Phiếu không hợp lệ: Là phiếu không do ban/tổ kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu (với trường hợp danh sách bầu từ 2 người trở lên); phiếu xóa giữa 2 dòng chữ không biết bầu ai; phiếu đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý trong danh sách bầu cử chỉ có một người; phiếu viết tên người ngoài danh sách đã được đại hội/hội nghị thông qua; phiếu có đánh dấu hoặc dùng nhiều loại mực, phiếu ký tên hoặc viết tên thêm.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ CƠ QUAN PHỤ TRÁCH VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BẦU CỬ

Điều 9: Nhiệm vụ của ban chấp hành cấp trên triệu tập đại hội

1. Chuẩn bị nhân sự đại biểu đại hội, nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ và các chức danh chủ chốt để giới thiệu với đại hội và ban chấp hành (Đề án nhân sự).

2. Tiếp nhận hồ sơ ứng cử và ban chấp hành của cán bộ hội viên không là đại biểu đại hội.

3. Quyết định số lượng đại biểu và đề án phân bổ đại biểu dự đại hội.

4. Chuẩn bị tài liệu và các văn bản liên quan đến nội dung phiên họp thứ nhất của ban chấp hành.

Điều 10. Đoàn chủ tịch đại hội, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách đại biểu, Ban/tổ kiểm phiếu

1. Đoàn chủ tịch đại hội

1.1. Đoàn chủ tịch là cơ quan điều hành công việc của đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

1.2. Đoàn chủ tịch đại hội gồm những đại biểu chính thức, có trình độ, khả năng điều hành hoạt động của đại hội và do ban chấp hành triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết về số lượng và nhân sự cụ thể.

Thành viên danh dự của Đoàn chủ tịch: ban chấp hành cấp triệu tập đại hội có thể mời đại diện lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, địa phương làm thành viên danh dự Đoàn chủ tịch đại hội. Số lượng cụ thể do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị và báo cáo đại hội.

1.3. Số lượng Đoàn chủ tịch đại hội ở mỗi cấp: Số lượng, cơ cấu Đoàn chủ tịch cấp nào do đại hội cấp đó quyết định.

1.4. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

1.4.1. Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, nội quy, quy chế làm việc đã được đại hội thông qua. Điều hành việc bầu cử theo quy định của quy chế này. Phân công thành viên điều hành các phiên họp của đại hội.

1.4.2. Điều hành đại hội biểu quyết:

a. Chương trình, nội quy, quy chế đại hội.

b. Bầu Đoàn thư ký, Ban thẩm tra tư cách đại biểu, Ban/tổ kiểm phiếu.

c. Thông qua báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu

d. Báo cáo góp ý dự thảo văn kiện đại hội cấp trên.

e. Đề án nhân sự ban chấp hành; Đề án bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

f. Thông qua biên bản kiểm phiếu và nghị quyết đại hội.

g. Biểu quyết một số vấn đề khác tại đại hội khi cần thiết.

1.4.3. Điều hành việc bầu cử.

a. Hướng dẫn để đại hội thảo luận và bầu ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

b. Giới thiệu số lượng, danh sách ban/tổ kiểm phiếu để đại hội bầu. Chỉ đạo hoạt động của ban/tổ kiểm phiếu; phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.

c. Giải đáp những ý kiến của đại biểu về nhân sự trong quá trình bầu cử.

1.4.4. Bàn giao cho ban chấp hành khóa mới các tài liệu về đại hội để lưu trữ theo quy định.

2. Đoàn thư ký đại hội

2.1. Gồm những đại biểu chính thức do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội giới thiệu để đại hội bầu.

2.2. Số lượng đoàn thư ký: Cấp cơ sở 1 - 2 người; cấp huyện trở lên từ 2 - 3 người.

2.3. Đoàn thư ký có nhiệm vụ:

a. Ghi biên bản đại hội, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội, trình bày dự thảo nghị quyết.

b. Quản lý và phát hành tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của Đoàn chủ tịch, đọc điện, thư chúc mừng đại hội. Thu nhận, bảo quản và gửi đến ban chấp hành khóa mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

c. Tập hợp, phản ánh kịp thời với Đoàn chủ tịch những vấn đề phát sinh tại đại hội.

3. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

3.1. Ban thẩm tra tư cách đại biểu (*chỉ có ở đại hội đại biểu các cấp*) là những đại biểu chính thức của đại hội do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội bầu; là những người am hiểu công tác tổ chức, nắm vững nguyên tắc và Điều lệ Hội.

3.2. Số lượng Ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Đại hội đại biểu cơ sở 3 - 5 người.
- Đại hội đại biểu cấp huyện, tỉnh từ 5 - 7 người.
- Đại hội đại biểu toàn quốc từ 7 - 9 người.

3.3. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Xem xét báo cáo và các tài liệu liên quan do ban chấp hành triệu tập đại hội cung cấp về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu đại biểu; những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu để xét tư cách đại biểu.

- Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

- Xem xét đơn thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu; báo cáo với Đoàn chủ tịch đại hội để trình đại hội xem xét quyết định.

4. Ban/tổ kiểm phiếu

4.1. Ban/tổ kiểm phiếu là những đại biểu chính thức của đại hội, không có tên trong danh sách bầu cử và do Đoàn chủ tịch đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội bầu.

4.2. Số lượng thành viên ban/tổ kiểm phiếu

Số lượng thành viên ban/tổ kiểm phiếu ở đại hội (hội nghị) các cấp do Đoàn chủ tịch đại hội (hoặc chủ tọa hội nghị) lựa chọn, giới thiệu; đại hội (hội nghị) biểu quyết thông qua.

4.3. Ban/tổ kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Chuẩn bị phiếu bầu, hòm phiếu.
- b. Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu.
- c. Kiểm tra, niêm phong thùng phiếu; phát phiếu trực tiếp cho đại biểu hoặc theo đoàn đại biểu; kiểm tổng phiếu phát ra, thu về báo cáo đại hội; tiến hành kiểm phiếu.
- d. Xem xét và kết luận phiếu không hợp lệ.
- e. Lập biên bản bầu cử; công bố kết quả bầu cử.
- f. Niêm phong phiếu bầu và chuyển cho Đoàn chủ tịch đại hội.

CHƯƠNG IV ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI

Điều 11. Đại biểu dự đại hội

Đại biểu dự đại hội Hội Nông dân các cấp gồm: Các ủy viên ban chấp hành đương nhiệm cấp triệu tập đại hội, đại biểu được đại hội cấp dưới bầu theo quyết định phân bổ đại biểu của Hội cấp trên trực tiếp (đối với đại hội cấp xã là đại biểu do đại hội hoặc hội nghị chi hội bầu lên), đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chỉ định (không quá 5%).

Điều 12. Số lượng đại biểu

Số lượng đại biểu dự đại hội do ban chấp hành Hội Nông dân cấp triệu tập đại hội quyết định trên cơ sở hướng dẫn đại hội của Hội cấp trên, số lượng hội viên, số đơn vị hành chính, điều kiện kinh tế, ý kiến của cấp ủy cùng cấp.

Điều 13. Những trường hợp được thay thế đại biểu

Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức khi đại biểu chính thức vắng mặt có lý do suốt thời gian đại hội. Ban thường vụ cấp triệu tập đại hội quyết định chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức.

Điều 14. Những trường hợp không được thay thế đại biểu

- Đại hội bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ.
- Đại biểu chính thức bị bác tư cách gồm: Đại biểu bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đang trong thời gian thi hành; đại biểu đang bị cơ quan pháp luật khởi tố, truy tố; đại biểu bầu không đúng quy định; đại biểu vi phạm nội quy đại hội gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín của Hội.

CHƯƠNG V

BẦU CÁC CƠ QUAN, CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CỦA HỘI

Điều 15. Bầu ban chấp hành

1. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo với đại hội về Đề án nhân sự ban chấp hành khóa mới do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị.

2. Đại hội thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu ban chấp hành khóa mới và biểu quyết về số lượng, cơ cấu.

3. Đoàn chủ tịch đại hội đề cử danh sách nhân sự do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị.

4. Tiến hành ứng cử, đề cử.

5. Đoàn chủ tịch đại hội báo cáo kết quả ứng cử, đề cử bao gồm:

a. Danh sách nhân sự được đại biểu thống nhất với giới thiệu của ban chấp hành.

b. Danh sách nhân sự tự ứng cử, nhân sự được đề cử ngoài danh sách giới thiệu của ban chấp hành.

c. Đại hội thảo luận về danh sách bầu cử. Nếu có đại biểu xin rút khỏi danh sách bầu cử thì Đoàn chủ tịch đại hội có quyền xem xét, quyết định cho rút hoặc không cho rút.

6. Đại hội biểu quyết chốt danh sách bầu cử ban chấp hành.

7. Đại hội bầu ban/tổ kiểm phiếu.

a. Đoàn chủ tịch đại hội giới thiệu số lượng, đại hội biểu quyết thông qua.

b. Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách dự kiến nhân sự ban/tổ kiểm phiếu, đại hội biểu quyết thông qua.

8. Đoàn chủ tịch hướng dẫn nguyên tắc, thủ tục bầu cử.

9. Ban/tổ kiểm phiếu điều hành bầu ban chấp hành; nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4.3 Điều 10 của quy chế này. Bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng, có bầu tiếp hay không do đại hội quyết định.

Điều 16. Bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch ở phiên họp đầu tiên của ban chấp hành khóa mới

Triệu tập phiên họp đầu tiên của ban chấp hành khóa mới là đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch khóa trước được bầu tái cử. Nếu chủ tịch và phó chủ tịch khóa trước không tái cử thì Đoàn chủ tịch đại hội chỉ định triệu tập viên là 1 đồng chí mới được bầu vào ban chấp hành, chủ trì phiên họp cho đến khi bầu xong chủ toạ hội nghị. Chủ toạ hội nghị báo cáo ban chấp hành thông qua chương trình làm việc và tiến hành các thủ tục bầu cử.

1. Bầu ban thường vụ:

a. Chủ toạ hội nghị báo cáo ban chấp hành về Đề án nhân sự ban thường vụ do ban chấp hành khóa trước chuẩn bị.

b. Ban chấp hành thảo luận và biểu quyết về yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu ban thường vụ khóa mới.

c. Chủ toạ hội nghị báo cáo danh sách nhân sự dự kiến bầu vào ban thường vụ khóa mới do ban chấp hành khóa trước giới thiệu.

d. Tiến hành ứng cử, đề cử.

e. Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về danh sách bầu cử. Đối với những trường hợp xin rút khi được đề cử phải được trên 50% ủy viên ban chấp hành đồng ý.

f. Ban chấp hành biểu quyết chốt danh sách bầu cử.

g. Bầu ban/tổ kiểm phiếu (thực hiện tương tự như phần bầu ban chấp hành).

h. Ban/tổ kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử.

i. Nếu bầu một lần chưa đủ số lượng ủy viên ban thường vụ, có bầu tiếp hay không do ban chấp hành xem xét, quyết định.

2. Bầu chủ tịch, phó chủ tịch:

Nhân sự để bầu chủ tịch, phó chủ tịch phải là những đồng chí đã trúng cử ủy viên ban thường vụ.

a. Chủ toạ hội nghị thông báo ý kiến giới thiệu nhân sự của cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

b. Hội nghị thảo luận, tiến hành ứng cử, đề cử.

- c. Hội nghị cho ý kiến về danh sách bầu cử và biểu quyết chốt danh sách.
- d. Bầu ban/tổ kiểm phiếu (có thể sử dụng ban kiểm phiếu của bầu ban thường vụ).
- e. Tiến hành bầu cử và công bố kết quả bầu cử (bầu chủ tịch trước, bầu phó chủ tịch sau).

Điều 17. Bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bầu kiện toàn chủ tịch, phó chủ tịch trong nhiệm kỳ

- Đồng chí chủ trì hội nghị báo cáo về Đề án kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch.
- Đồng chí chủ trì hội nghị báo cáo danh sách nhân sự được ban thường vụ Hội cấp trên và cấp ủy cùng cấp giới thiệu (theo phân cấp).
- Hội nghị tiến hành thảo luận, ứng cử, đề cử, thực hiện bầu cử theo quy định.
- Những đồng chí trúng cử ban chấp hành được tham gia bầu bổ sung ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch ngay tại hội nghị này.

CHƯƠNG VI

BẦU ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI CẤP TRÊN TRỰC TIẾP

Điều 18. Bầu đại biểu dự đại hội cấp trên trực tiếp

Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị Đề án đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên theo quyết định phân bổ của ban thường vụ cấp trên trực tiếp.

1. Tiêu chuẩn đại biểu: Là đại biểu chính thức có mặt tại đại hội, là cán bộ, hội viên ưu tú, tiêu biểu trong công tác Hội và phong trào nông dân, có uy tín, có khả năng đóng góp vào những quyết định của đại hội và tuyên truyền kết quả của đại hội.

2. Quy trình bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên trực tiếp:

a. Đoàn chủ tịch đại hội đọc quyết định phân bổ đại biểu đi dự đại hội của ban chấp hành cấp trên trực tiếp và báo cáo đề án bầu đại biểu dự đại hội Hội Nông dân cấp trên.

b. Đại hội thảo luận và đại biểu ứng cử, đề cử.

c. Đoàn chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách đại biểu ứng cử, đề cử.

d. Đại hội thảo luận về danh sách đại biểu ứng cử, đề cử, sau đó biểu quyết chốt danh sách bầu đại biểu dự đại hội Hội Nông dân cấp trên.

e. Đại hội bầu ban/tổ kiểm phiếu.

f. Ban/tổ kiểm phiếu điều hành bầu đại biểu chính thức trước, sau đó bầu đại biểu dự khuyết theo số lượng quy định; hoặc bầu đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết trong cùng một lần, nhưng sử dụng hai loại phiếu khác nhau.

CHƯƠNG VII

TÍNH KẾT QUẢ VÀ CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều 19. Tính kết quả bầu cử tại đại hội và các hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ

1. Đại hội hoặc hội nghị chỉ hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập tham dự.

2. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ. Phiếu hợp lệ là phiếu quy định tại Điều 8 của quy chế này. Trường hợp phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu X vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu X vào cả hai ô đồng ý, không đồng ý đối với người nào thì không tính vào kết quả bầu cử của người đó (phiếu đó vẫn được tính là phiếu hợp lệ).

Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu của trên 50% so với tổng số đại biểu có mặt dự đại hội hoặc hội nghị và được tính từ người có số phiếu cao nhất đến hết số lượng cần bầu.

3. Trường hợp cuối danh sách trúng cử có một số người bằng phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu và trên 50% số phiếu bầu thì Đoàn chủ tịch đại hội hoặc chủ trì hội nghị cho lập danh sách những người bằng phiếu nhau để bầu tiếp; người có số phiếu bầu cao nhất sẽ trúng cử, không cần quá 50% so với tổng số phiếu bầu. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 20. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử được lập thành 03 bản có chữ ký của đồng chí thay mặt Đoàn chủ tịch đại hội và trưởng ban/tổ kiểm phiếu.

2. Ban/tổ kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu để Đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho ban chấp hành mới lưu trữ trong thời gian 6 tháng. Quá 6 tháng nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, ban thường vụ quyết định hủy số phiếu đó.

3. Đoàn chủ tịch đại hội giao cho ban chấp hành khóa mới biên bản bầu cử và phiếu bầu để báo cáo ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét chuẩn y.

Điều 21. Chuẩn y kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch

Chậm nhất 15 ngày làm việc sau đại hội hoặc hội nghị, ban thường vụ phải báo cáo lên ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch kèm danh sách trích ngang (theo mẫu) và tờ trình đề nghị chuẩn y kết quả bầu cử. Tờ trình này do chủ tịch hoặc phó chủ tịch Hội mới được bầu tại hội nghị ban chấp hành ký. Ban thường vụ cấp trên công nhận ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch cấp dưới sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong thời gian 15 ngày làm việc.

CHƯƠNG VIII

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, VI PHẠM QUY CHẾ BẦU CỬ

Điều 22. Thẩm quyền thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm quy chế bầu cử

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội, nếu có đơn thư khiếu nại về bầu cử thì ban thường vụ cùng cấp có trách nhiệm xem xét, xử lý và báo cáo ban chấp hành cùng cấp.

2. Nếu phát hiện có vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì ban thường vụ báo cáo ban thường vụ cấp trên trực tiếp.

3. Nếu phát hiện thấy sự vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì ban thường vụ cấp trên có quyền bãi bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của hội nghị ban chấp hành cấp dưới, chỉ đạo đại hội (hội nghị) tiến hành bầu cử lại; trường hợp cá nhân đã được bầu vào ban chấp hành và các chức danh của cấp dưới nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định thì ban thường vụ cấp trên có quyền không chuẩn y công nhận.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quy chế này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, hội viên trong hệ thống Hội. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

